TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 12/*2018*/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Liên; bà Lê Thị Thu Phương
***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên toà: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lương Thị Q, sinh năm 1965; Địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn D, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Q trình bầy: Bà và ông Phạm Văn D đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào tháng 6 năm 1988 trên cơ sở tự nguyện tuy nhiên do việc quản lý giấy tờ không tốt nên bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn vì thế không có để xuất trình cho Tòa án.

Bà trình bày sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn cãi chửi nhau, thậm chí xảy ra xô xát. Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên can nhưng không được cải thiện, vợ chồng ly thân nhiều lần, lần gần nhất từ cuối năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay bà thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà xin ly hôn ông Dũng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn D trình bày: Về điều kiện thủ tục kết hôn của vợ chồng ông như bà Q trình bày là đúng, cho đến nay ông cũng không còn đăng ký kết hôn xuất trình cho Tòa án.

Ông thừa nhận giữa vợ chồng ông tồn tại mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không tôn trọng, quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù đã được người thân khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mâu thuẫn vẫn tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay bà Q xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Q, ông D cùng trình bày có 02 con chung tên là Phạm Thị T, sinh ngày 01/9/1989 và Phạm Văn Th, sinh ngày 11/01/1991.

Quan điểm của bà Q, ông D: anh Phạm Văn Th đã chết còn chị Phạm Thị T đã trên 18 tuổi, trưởng thành có cuộc sống riêng, tự lập nên ông bà cùng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Tại đơn khởi kiện bà Lương Thị Q yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm có: 370m2 đất thuộc thửa 76, phụ lục 06 tại xóm Đ, xã C và tài sản trên đất gồm nhà, công trình phụ. Quá trình giải quyết vụ án ngày 28/9/2018 bà Lương Thị Q đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ông Phạm Văn D đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Q và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ.

Tại phiên tòa bà Lương Thị Q giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Không công nhận bà Lương Thị Q và ông Phạm Văn D là vợ chồng. Về con chung: không giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Q; Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng không đặt ra giải quyết và tuyên án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn D tuy nhiên ông D đã có đơn xin xử vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D tại phiên tòa.

** Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Q nhận thấy:* Mặc dù các đương sự bà Lương Thị Q, ông Phạm Văn D đều trình bày ông bà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào tháng 6 năm 1988 tuy nhiên các đương sự không xuất trình được tài liệu chứng minh cho việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã C chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 trở lại đây và tại Phòng Tư pháp huyện D: chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn của xã C từ năm 1999 trở lại đây; qua tra cứu những sổ còn lưu trữ này không có trường hợp nào đăng ký kết hôn mà có tên người chồng là Phạm Văn D sinh năm 1963; địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam và tên người vợ là Lương Thị Q sinh năm 1965; địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; Từ đó nhận thấy

mặc dù bà Q, ông D có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đủ điều kiện để công nhận là hôn nhân thực tế vì thế không có đủ cơ sở khẳng định bà Lương Thị Q và ông Phạm Văn D là vợ chồng.

* *Về con chung:* bà Q, ông D có 02 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 01/9/1989 và Phạm Văn Th, sinh ngày 11/01/1991. Xét thấy anh Phạm Văn Th đã chết ngày 25/5/2014; chị Phạm Thị T đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống riêng, tự lập vì thế quan điểm của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

* *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Xét việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Q là tự nguyện và đúng pháp luật nên đình chỉ và giải quyết hậu quả của việc đình chỉ theo quy định của pháp luật. Do các đương sự cùng không yêu cầu về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

* *Về án phí:* Bà Lương Thị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 06/01/2016
- Điều 9; 14; 53 Luật hôn nhân gia đình 2014
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

1. Không công nhận bà Lương Thị Q và ông Phạm Văn D là vợ chồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Q. Do các đương sự cùng không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ.

2.1. Trả lại cho bà Lương Thị Q tiền tạm ứng án phí chia tài sản bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên: 1.700.000đ (Một triệu bẩy trăm ngàn đồng).

2.2. Bà Lương Thị Q có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lương Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí ly hôn và tạm ứng án phí chia tài sản 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bà Q đã nộp theo biên lai số 0000321 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Lương Thị Q có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện D.*
- *Chi cục THA huyện D.*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN NGỌC THUẬN